

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025 dự toán mua sắm Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh ban

hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ Y tế về việc phê duyệt nội dung hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4083/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-PAS ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-PAS ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-PAS ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt điều chỉnh số lượng và phê duyệt dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-PAS ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 631/QĐ-PAS ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt E-HSMT cho gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025;

Căn cứ Báo cáo E - HSĐT số 02-2025/BCĐGKQPCD/624 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Tổ chuyên gia cho Gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500362848;

- Tên gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch năm 2025;
- Giá gói thầu: 4.747.375.588 VND (*Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng.*)
- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng. Xét theo từng phần của gói thầu;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 80 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 140 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

STT	Nội dung	Tên nhà thầu					
1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu	Công ty TNHH B.C.E Việt Nam	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Vietlab	Công ty TNHH Phát triển khoa học Vitech	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	Công Ty TNHH Dược F.D& C	Công ty Cổ phần Vật tư Khoa học Biomedic
2	Giá đề nghị trúng thầu (đồng)	94.340.000	339.424.754	919.645.040	696.688.600	39.083.460	392.612.000
3	Số danh mục trúng thầu	01/01 danh mục chào thầu	40/72 danh mục chào thầu	24/26 danh mục chào thầu	17/24 danh mục chào thầu	09/21 danh mục chào thầu	01/03 danh mục chào thầu
4	Tổng giá trị trúng thầu	3.473.942.662 đồng					
5	Tổng giá gói thầu	4.747.375.588 đồng					
6	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước – kinh phí hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch năm 2025					
7	Loại hợp đồng	Trọn gói					
8	Thời gian thực hiện gói thầu	80 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực					
9	Thời gian thực hiện hợp đồng	140 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực					

STT	Nội dung	Tên nhà thầu				
1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu	Công ty TNHH Thiết bị Duy Minh	Công Ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Trần Danh	Công ty Cổ phần Công nghệ Biosciences	Công ty TNHH Giải pháp Khoa học & Công nghệ Unitech	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thuận Giang
2	Giá đề nghị trúng thầu (đồng)	741.133.800	95.936.000	69.670.008	15.000.000	70.409.000
3	Số danh mục trúng thầu	01/01 danh mục chào thầu	01/01 danh mục chào thầu	15/35 danh mục chào thầu	01/07 danh mục chào thầu	13/47 danh mục chào thầu
4	Tổng giá trị trúng thầu	3.473.942.662 đồng				

5	Tổng giá gói thầu	4.747.375.588 đồng
6	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước – kinh phí hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch năm 2025
7	Loại hợp đồng	Trọn gói
8	Thời gian thực hiện gói thầu	80 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
9	Thời gian thực hiện hợp đồng	140 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, TCG, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục I

DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ PHẦN LÔ TRÚNG THẦU

1. Công ty Cổ phần Công nghệ Biosciences

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398104	Dung dịch Sodium bicarbonate 7,5%	7.5% Sodium Bicarbonate Solution	CC530-0100	GeneDireX	Đài Loan	2022-2025	Chai 100ml	ml	500	5.900	2.950.000
2	PP2500398172	Lọc chân không 500ml	500 mL Vacuum Filter/Storage Bottle System, 0.22 µm Pore 33.2cm² PES Membrane,	431097	Corning	Mỹ	2022-2025	Thùng 12 cái	Cái	12	400.834	4.810.008
3	PP2500398196	Máu cừu	Máu cừu	H.001.100	MDL	Việt Nam	2022-2025	Chai 100ml	ml	500	5.500	2.750.000
4	PP2500398206	Ống ly tâm đáy nhọn 0,5ml có nắp	Tuýp ly tâm 0.5ml, dạng eppendorf, không có RNase & DNase, pyrogenic.	80-0500	Biologix	Trung Quốc	2022-2025	Gói 500 cái	Cái	500	1.880	940.000
5	PP2500398217	Ống giữ chủng vi sinh có hạt bi	CRYOBANK - Mixed colours, (Hộp 80 vials) Ống lưu trữ chủng vi sinh, 4 màu, Chứa các hạt lưu trữ và có môi trường pha sẵn.	CRYO80/M	Mast	Anh (UK)	2022-2025	Hộp/80 ống	Ống	400	75.625	30.250.000
6	PP2500398229	Môi trường TBX agar	Tryptone Bile Glucuronic Agar (TBX Agar)	M1591-500G	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Chai 500g	Gram	1000	6.840	6.840.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	PP2500398232	Môi trường MH broth	Mueller Hinton Broth	M391-500G	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Chai 500g	Gram	500	6.460	3.230.000
8	PP2500398235	Môi trường Lysine decarboxylase Broth	Lysine Decarboxylase Broth	M376-500G	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Chai 500g	Gram	500	2.820	1.410.000
9	PP2500398239	Môi trường MH Agar	Mueller Hinton Agar	M173-500G	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Chai 500g	Gram	3000	2.740	8.220.000
10	PP2500398253	Môi trường Triple Sugar-Iron Agar (TSI)	Triple Sugar Iron Agar	M021I-500G	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Chai 500g	gram	500	2.860	1.430.000
11	PP2500398254	Môi trường Shigella broth	Shigella Broth Base	M1326-500G	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Chai 500g	Gram	500	2.820	1.410.000
12	PP2500398255	Chất bổ sung cho Môi trường Shigella broth base	NO 0.55 Selective Supplement	FD108-5VL	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Hộp 5 lọ	Hộp	1	1.380.000	1.380.000
13	PP2500398257	Môi trường Brain Heart Infusion Agar	BHI Agar (Special Infusion Agar)	M211-500G	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Chai 500g	Gram	500	3.480	1.740.000
14	PP2500398258	Môi trường Brain Heart Infusion Broth	BHI Broth	M210-500G	Himedia	Ấn Độ	2022-2025	Chai 500g	Gram	500	2.740	1.370.000
15	PP2500398263	Hoá chất nhuộm Gram	Bộ nhuộm gram	MI001ST	Nam Khoa	Việt Nam	2022-2025	Bộ	Bộ	1	940.000	940.000
Tổng cộng												69.670.008

2. Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398095	Môi các loại	Primer các loại	Không có	Synbio Technologies	Trung Quốc	2024 trở đi	Nu	Nu	2540	22.000	55.880.000
2	PP2500398096	Đầu dò gắn huỳnh quang các loại	Probe các loại	Không có	Synbio Technologies	Trung Quốc	2024 trở đi	Ống	ống	24	10.700.000	256.800.000
3	PP2500398097	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	Fetal Bovine Serum	F7524-500ML	Sigma/Merck	Paraguay	2024 trở đi	500 ml/chai	ml	3000	18.000	54.000.000
4	PP2500398106	PBS (Phosphate-Buffered Saline) dạng viên	Phosphate buffered saline	P4417-100TAB	Sigma/Merck	Mỹ	2024 trở đi	100 viên/hộp	Viên	100	67.824	6.782.400
5	PP2500398108	Dung dịch DMSO	Dimethyl sulfoxide	D2650-100ML	Sigma/Merck	UK	2024 trở đi	100 ml/chai	ml	100	103.000	10.300.000
6	PP2500398118	Găng tay nitrile không bột	Găng tay nitrile không bột	KHPFNT	Vglove (VRG Khải Hoàn)	Việt Nam	2024 trở đi	50 đôi/hộp	Đôi	3000	1.770	5.310.000
7	PP2500398123	Găng tay không bột	Găng tay Latex không bột	KHPFEX	Vglove (VRG Khải Hoàn)	Việt Nam	2024 trở đi	50 đôi/hộp	Đôi	39300	1.850	72.705.000
8	PP2500398150	Dung dịch nạp mẫu	DNA Gel Loading Dye (6X)	R0611	Thermo Scientific	Lithuania	2024 trở đi	1ml x 5 ống/bộ	Bộ	2	1.099.000	2.198.000
9	PP2500398154	Thuốc nhuộm DNA	SafeView Classic	G108	ABM	Canada	2024 trở đi	1 ml/ống	ml	7	1.350.000	9.450.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
10	PP2500398162	Đầu côn có lọc 200µl	Đầu côn có lọc 200µl	TYM-200	Nantong	Trung Quốc	2024 trở đi	96 cái/hộp	Cái	5088	860	4.375.680
11	PP2500398171	Lọc Syrine 0,2µm	Đầu lọc Cellulose acetate 0.2um x 28mm	S7597--- FXOSK	Sartorius	Đức	2024 trở đi	50 cái/hộp	Cái	200	45.000	9.000.000
12	PP2500398175	Bộ sinh phẩm xét nghiệm ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Hanta	Human hantavirus (HV) antibody (IgG) ELISA Kit	MBS707171	Mybiosource	Mỹ	2024 trở đi	96 test/hộp	Test	192	520.560	99.947.520
13	PP2500398178	Ống siêu lọc ly tâm	Amicon® Ultra Centrifugal Filter, 100 kDa MWCO	UFC910024	Millipore /Merck	Ireland	2024 trở đi	24 cái/hộp	Cái	24	500.000	12.000.000
14	PP2500398183	Ống nhựa hút vô trùng	Pipette nhựa 3ml	30-0138A1	Biologix	Trung Quốc	2024 trở đi	500 cái/hộp	Cái	500	2.500	1.250.000
15	PP2500398193	Albumin huyết thanh bò	Bovine Serum Albumin	A8022-1KG	Sigma/Merck	Mỹ	2024 trở đi	1 kg/chai	kg	1	57.000.000	57.000.000
16	PP2500398194	Kit tách chiết DNA từ mô/máu toàn phần	QIAamp DNA Mini Kit	51304	QIAGEN GmbH	Đức	2024 trở đi	50 test/bộ	test	300	113.400	34.020.000
17	PP2500398205	Kit tách chiết DNA vi khuẩn	QIAamp DNA Mini Kit	51304	QIAGEN GmbH	Đức	2024 trở đi	50 test/bộ	Test	50	113.400	5.670.000
Tổng cộng												696.688.600

3. Công ty cổ phần vật tư khoa học Biomedic

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398152	Bộ sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao dùng cho máy giải trình tự SeqStudio Genetic Analyzer 3500 (Máy do Viện sở hữu và đang sử dụng)										
1.1	PP2500398152.1	Kit đánh dấu dùng cho Giải trình tự	BigDye Terminator v3.1 Cycle Sequencing Kit	4337455	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Lithuania	2025	Hộp 100 phản ứng	Test	300	577.450	173.235.000
1.2	PP2500398152.2	Kit tinh sạch sản phẩm PCR bigdye giải trình tự	BigDye Xterminator Kit	4376486	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Mỹ	2025	100 test/ hộp	Test	300	124.920	37.476.000
1.3	PP2500398152.3	Ống mao quản 24 cap dùng cho máy giải trình tự gen sanger, dài 50cm	SeqStudio™ Flex Genetic Analyzer 24-Capillary Array	A49107	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Nhật Bản	2025	1 array/ Hộp	Hộp	1	116.897.000	116.897.000
1.4	PP2500398152.4	Dung dịch buffer anode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Anode Buffer Container 3500 Series	4393927	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Mỹ	2025	4 pack/ Hộp	Cái	4	1.493.750	5.975.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.5	PP2500398152.5	Dung dịch buffer cathode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thể hệ 3500 hoặc tương đương	Cathode Buffer Container 3500 Series	4408256	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Mỹ	2025	4 pack/ Hộp	Cái	4	1.948.250	7.793.000
1.6	PP2500398152.6	Miếng đệm dung dịch đệm điện cực Cathode buffer	Septa Cathode Buffer Container, for 3500 and SeqStudio Flex	4410715	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Nhật Bản	2025	10 chiếc/ hộp	Cái	10	2.030.000	20.300.000
1.7	PP2500398152.7	Gel dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thể hệ 3500 hoặc tương đương	POP-7(384) Polymer 3500 Series Each	4393708	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Mỹ	2025	384 samples/ Hộp	hộp	2	10.584.000	21.168.000
1.8	PP2500398152.8	Đĩa 96 giếng dùng cho máy giải trình tự sanger thể hệ 3500	MicroAmp Optical 96-Well Reaction Plate	N8010560	Applied Biosystems/ Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Trung Quốc	2025	10 cái/ hộp	Đĩa	20	488.400	9.768.000
Tổng cộng												392.612.000

4. Công ty TNHH B.C.E Việt Nam

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398256	Sinh phẩm, vật tư tiêu hao giải trình tự trên máy Nanopore (Máy do Viện sở hữu và đang sử dụng)										
1.1	PP2500398256.1	Đĩa giải trình tự	MinION Flow Cell (R10.4.1)	FLO- MIN114	Oxford Nanopore Technologies	Anh	2025 trở về sau	Cái	Cái	2	26.330.000	52.660.000
1.2	PP2500398256.2	Hóa chất chuẩn bị thư viện	NEBNext® Ultra™ II End Repair/dA- Tailing Module	E7546S	New England Biolabs	Mỹ	2025 trở về sau	24 Phản ứng /bộ	Bộ	1	8.820.000	8.820.000
1.3	PP2500398256.3	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Blunt/TA Ligase Master Mix	M0367S	New England Biolabs	Mỹ	2025 trở về sau	50 Phản ứng /bộ	Bộ	1	4.020.000	4.020.000
1.4	PP2500398256.4	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Native Barcoding Kit 24 V14	SQK- NBD114.24	Oxford Nanopore Technologies	Anh	2025 trở về sau	6 Phản ứng /bộ	bộ	1	28.840.000	28.840.000
Tổng cộng												94.340.000

5. Công ty TNHH Dược F.D&C

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398116	Đầu côn có lọc 100µl	Đầu tip lấy mẫu 100ul universal pipette tips, sterile, zerotip (super low retention, filter	PMT252100	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	Hộp/ 96 cái	Cái	1.920	868	1.666.560
2	PP2500398120	Ống trữ lạnh tiết trùng 2 ml nắp vận	Ống trữ lạnh tiết trùng 2 ml nắp vận	FCT522020	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	gói/ 500 cái	Cái	10.000	1.978	19.780.000
3	PP2500398121	Pipet nhựa 5ml	Pipet nhựa 5ml	GSP010005	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	1 cái/ gói, Thùng/ 200 cái	Cái	600	3.564	2.138.400
4	PP2500398122	Pipet nhựa 10ml	Pipet nhựa 10ml	GSP010010	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	1 cái/ gói, Thùng/ 200 cái	Cái	600	4.050	2.430.000
5	PP2500398164	Pipette Pasteur nhựa	Đầu tip lấy mẫu 1000ul , long universal pipette tip, sterile, zerotip super low retention, filter	PP001030	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	Gói/100cái	Cái	3.000	594	1.782.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	PP2500398170	Pipet nhựa 25ml	Pipet nhựa 25ml (25mL Serological Pipettes)	GSP010025	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	1 cái/ gói, thùng/150 cái)	Cái	400	7.655	3.062.000
7	PP2500398204	Ổng ly tâm 50ml (có chân)	Ổng ly tâm 50ml tự đứng tiết trùng	CFT111500	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	thùng/ 500 cái	Cái	500	4.493	2.246.500
8	PP2500398209	Que cấy 10µl	Que cấy 10µl màu vàng tiết trùng	DIL212010	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	gói/10 cái	Que	3.500	854	2.989.000
9	PP2500398210	Que cấy 1µl	Que cấy 1µl màu xanh tiết trùng	DIL212001	Jetbiofil	Trung quốc	2024 đến nay	gói/10 cái	Que	3.500	854	2.989.000
Tổng cộng												39.083.460

6. Công ty TNHH Giải pháp Khoa học & Công nghệ Unitech

STT	Mã phân (lô)	Tên phân (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398191	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus dại	Rabies Virus Real Time PCR Kit	YJC70105NW(RUO)	Bioperfectus	Trung Quốc	2024 trở về sau	25 test/Hộp	Test	75	200.000	15.000.000
Tổng cộng												15.000.000

7. Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398098	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	SuperScript™ III Platinum™ One-Step qRT-PCR Kit	11732088	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	500 test/hộp	test	3.000	148.200	444.600.000
2	PP2500398099	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	SuperScript™ III Platinum™ One-Step qRT-PCR Kit	11732020	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	100 test/hộp	Test	500	185.500	92.750.000
3	PP2500398101	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Penicillin-Streptomycin (10,000 U/mL)	15140122	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	100 mL/chai	ml	700	7.800	5.460.000
4	PP2500398103	Dung dịch Hepes	HEPES (1 M)	15630080	Thermo Fisher Scientific	Đài Loan	Năm 2024 trở đi	100 mL/chai	ml	500	27.000	13.500.000
5	PP2500398105	Môi trường nuôi cấy tế bào DMEM nồng độ glucose cao	DMEM, high glucose	11965092	Thermo Fisher Scientific	Anh	Năm 2024 trở đi	500 mL/chai	ml	5.000	1.400	7.000.000
6	PP2500398107	Dung dịch Trypsin-EDTA 10X	Trypsin-EDTA (0.5%), no phenol red	15400054	Thermo Fisher Scientific	Anh	Năm 2024 trở đi	100 mL/chai	ml	100	11.500	1.150.000
7	PP2500398109	Dung dịch Bovine serum Albumin Fraction V (7,5%)	Bovine Albumin Fraction V (7.5% solution)	15260037	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	100 mL/chai	ml	300	28.000	8.400.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
8	PP2500398113	Kit thử nghiệm Influenza Neuraminidase bằng phương pháp huỳnh quang	NA-Fluor™ Influenza Neuraminidase Assay Kit	4457091	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	960 assays/Bộ	Bộ	1	33.000.000	33.000.000
9	PP2500398128	Giá đựng ống hút nam châm (magnetic stand) 16 vị trí	DynaMag™-2 Magnet	12321D	Thermo Fisher Scientific	Anh	Năm 2024 trở đi	Cái	Cái	1	27.000.000	27.000.000
10	PP2500398136	Vật tư dùng kèm thiết bị đo huỳnh quang Qubit 2.0 của Viện sở hữu và đang sử dụng										
10.1	PP2500398136.1	Kit đo nồng độ dsDNA 1X	Qubit™ 1X dsDNA HS Assay Kit	Q33230	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	100 test/bộ	Test	200	48.000	9.600.000
10.2	PP2500398136.2	Tube đo huỳnh quang	Qubit™ Assay Tubes	Q32856	Thermo Fisher Scientific	Trung Quốc	Năm 2024 trở đi	500 cái/túi	Cái	500	10.200	5.100.000
10.3	PP2500398136.3	Bộ kit định lượng DNA sợi kép độ nhạy cao Qubit	Qubit™ dsDNA HS Assay Kit	Q32854	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	500 test/bộ	bộ	1	15.700.000	15.700.000
10.4	PP2500398136.4	Bộ kit định lượng DNA sợi kép phạm vi rộng Qubit	Qubit™ dsDNA BR Assay Kits	Q32853	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	500 test/bộ	bộ	1	15.700.000	15.700.000
11	PP2500398138	Dung dịch TBE 10X	UltraPure™ TBE Buffer, 10X	15581044	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	1 L/chai	lít	5	1.500.000	7.500.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
12	PP2500398139	Thang điện di 1kb DNA	1 Kb Plus DNA Ladder	10787018	Thermo Fisher Scientific	Lithuania	Năm 2024 trở đi	500µl/bộ	Bộ	1	7.720.000	7.720.000
13	PP2500398140	Thang điện di 100 bp DNA	100 bp DNA Ladder	15628019	Thermo Fisher Scientific	Lithuania	Năm 2024 trở đi	100µl/bộ	Bộ	8	3.580.000	28.640.000
14	PP2500398141	Môi trường DMEM nồng độ glucose cao	DMEM, powder, high glucose	12100046	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	10 lít/hộp	hộp	1	2.400.000	2.400.000
15	PP2500398142	Môi trường EMEM (Eagle's Minimum Essential Medium)	MEM, powder	61100061	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	10 lít/hộp	hộp	1	2.050.000	2.050.000
16	PP2500398143	Dung dịch Trypsin-EDTA 1X	Trypsin-EDTA (0.25%), phenol red	25200056	Thermo Fisher Scientific	Canada	Năm 2024 trở đi	100 mL/chai	ml	200	5.600	1.120.000
17	PP2500398146	Enzyme phiên mã ngược	SuperScript™ III Reverse Transcriptase	18080044	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	10.000 units/bộ	Bộ	4	16.840.000	67.360.000
18	PP2500398147	Sinh phẩm tổng hợp cDNA, RT – PCR	RNaseOUT™ Recombinant Ribonuclease Inhibitor	10777019	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	5.000 units/Bộ	Bộ	4	8.800.000	35.200.000
19	PP2500398148	Enzyme Taq DNA Polymerase	Platinum™ Taq DNA Polymerase	10966018	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	120 Reactions/bộ	Test	480	43.000	20.640.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
20	PP2500398153	Nước xử lý DEPC	DEPC-Treated Water	AM9920	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	500 mL/chai	ml	500	6.600	3.300.000
21	PP2500398176	Giếng chuẩn không màu dùng cho phản ứng miễn dịch	Immuno Clear Standard Modules, 350 µL, Round, Flat Bottom (F-well)	469949	Thermo Fisher Scientific	Đan Mạch	Năm 2024 trở đi	640 thanh/thùng	Thanh	640	44.836	28.695.040
22	PP2500398195	Kit chạy RT-PCR có ROX	Platinum™ Quantitative PCR SuperMix-UDG w/ROX	11743100	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	100 Reactions/bộ	Test	100	154.000	15.400.000
23	PP2500398207	Hóa chất, vật tư tiêu hao dùng đo nồng độ DNA trên máy Nanodrop flourometer v2.0 do Viện sở hữu và đang sử dụng										
23.1	PP2500398207.1	Hóa chất đo nồng độ DNA mạch đôi	Qubit™ dsDNA HS Assay Kit	Q32851	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	100 mẫu/bộ	bộ	2	5.200.000	10.400.000
23.2	PP2500398207.2	Ống đo nồng độ DNA	Qubit™ Assay Tubes	Q32856	Thermo Fisher Scientific	Trung Quốc	Năm 2024 trở đi	500 cái/túi	Cái	500	10.200	5.100.000
24	PP2500398236	Enzyme Taq DNA Polymerase	Platinum™ Taq DNA Polymerase	10966018	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Năm 2024 trở đi	120 Reactions/bộ	Test	120	43.000	5.160.000
Tổng cộng												919.645.040

8. Công ty TNHH Thiết bị Duy Minh

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398135	Hóa chất, vật tư tiêu hao dùng cho máy giải trình tự Illumina Miseq (máy do Viện sở hữu và sử dụng)										
1.1	PP2500398135.1	Bộ kit chuẩn bị thư viện DNA	ILMN DNA LP (M) Tag (96 Spl, IPB)	20060059	Illumina Singapore Pte Ltd, Singapore	Singapore	Năm 2025 trở đi	96 tests/ kit	Kit	1	172.799.000	172.799.000
1.2	PP2500398135.2	Hóa chất giải trình tự gen	MiSeq Reagent Kit v2 (300-cycles)	MS-102-2002	Illumina Singapore Pte Ltd, Singapore	Singapore	Năm 2025 trở đi	Bộ	Bộ	2	57.618.000	115.236.000
1.3	PP2500398135.3	Bộ DNA/RNA Indexes setA	ILMN DNA/RNA UDI A Tag 96 Idx 96 Spl	20091654	Illumina, Inc., Mỹ	Mỹ	Năm 2025 trở đi	96 tests/ bộ	Bộ	1	23.920.600	23.920.600
1.4	PP2500398135.4	Bộ kit cho chuẩn bị thư viện DNA	NXTR XT DNA SMP Prep Kit (96 SMP)	FC-131-1096	Illumina Singapore Pte Ltd, Singapore	Singapore	Năm 2025 trở đi	96 tests/ bộ	bộ	1	176.118.800	176.118.800
1.5	PP2500398135.5	Hóa chất index cho chuẩn bị thư viện	NXTR XT IDX Kit (24 IDXS, 96 SMP)	FC-131-1001	Illumina, Inc., Mỹ	Mỹ	Năm 2025 trở đi	96 tests/ bộ	bộ	1	13.909.500	13.909.500

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.6	PP2500398135.6	Hóa chất giải trình tự gen	MiSeq Reagent Kit v2 (300-cycles)	MS-102-2002	Illumina Singapore Pte Ltd, Singapore	Singapore	Năm 2025 trở đi	bộ	bộ	4	57.618.000	230.472.000
1.7	PP2500398135.7	Bộ chuẩn thư viện PhiX v3	PhiX CONTROL V3 KIT	FC-110-3001	Illumina, Inc., Mỹ	Mỹ	Năm 2025 trở đi	Lọ	lọ	1	8.677.900	8.677.900
Tổng cộng												741.133.800

9. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thuận Giang

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398124	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp	Không	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	2025	Hộp/50 cái	Cái	8.000	1.200	9.600.000
2	PP2500398173	Gòn y tế thấm nước	Gòn y tế thấm nước	Không	Bảo Thạch	Việt Nam	2025	Gói/1 kg	Kg	24	219.000	5.256.000
3	PP2500398174	Gòn y tế không thấm nước	Gòn y tế không thấm nước	Không	Bảo Thạch	Việt Nam	2025	Gói/1kg	Kg	3	205.000	615.000
4	PP2500398231	Cồn y tế 70 độ	Cồn y tế 70 độ	Không	Bidopha USA	Việt Nam	2025	Can 30 lít	Lít	120	34.000	4.080.000
5	PP2500398241	Giá để ống nghiệm 4 mặt	Giá để ống nghiệm 4 mặt	91100	Runlab	Trung Quốc	2021	Cái	Cái	3	140.000	420.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	PP2500398245	Kit định danh xác định vi khuẩn Enterobacteriaceae 10 phản ứng sinh hóa	API 10 S	10100	BIOMERIEUX SA	Pháp	2025	Hộp 25 test	Test	50	127.500	6.375.000
7	PP2500398246	Kit định danh xác định vi khuẩn Gram âm, không thuộc nhóm đường ruột	API 20NE	20050	BIOMERIEUX SA	Pháp	2025	Hộp 25 test	Test	25	227.600	5.690.000
8	PP2500398247	Thuốc thử James	James	70542	BIOMERIEUX SA	Pháp	2025	2 x 2 lọ/ hộp	Hộp	1	1.264.000	1.264.000
9	PP2500398248	Thuốc thử TDA	TDA	70402	BIOMERIEUX SA	Pháp	2025	2 x 2 lọ/ hộp	Hộp	1	1.770.000	1.770.000
10	PP2500398249	Thuốc thử VP1 VP 2	VP1 VP 2	70422	BIOMERIEUX SA	Pháp	2025	2 x 2 lọ/ hộp	Hộp	1	2.414.000	2.414.000
11	PP2500398250	Thuốc thử NIT1 và NIT2	NIT1 và NIT2	70442	BIOMERIEUX SA	Pháp	2025	2 x 2 lọ/ hộp	Hộp	2	2.414.000	4.828.000
12	PP2500398251	Thuốc thử ZymA	Zym A	70494	BIOMERIEUX SA	Pháp	2025	2 lọ/ hộp	Hộp	1	1.897.000	1.897.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
13	PP2500398261	Kit định danh xác định vi khuẩn Neisseria, gonorrhoeae	API NH	10400	BIOMERIEUX SA	Pháp	2025	10 test/hộp	Test	40	655.000	26.200.000
Tổng cộng												70.409.000

10. Công Ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Trần Danh

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398212	Vật tư tiêu hao sử dụng cho máy MALDITOF Bruker của Viện sở hữu và đang sử dụng										
1.1	PP2500398212.1	Chất nền hỗ trợ xét nghiệm định danh vi khuẩn bằng kỹ thuật MALDI TOF	Chất nền hỗ trợ xét nghiệm định danh nhanh vi khuẩn (IVD Matrix HCCA-portioned)	8290200	InVivo BioTech Services GmbH	Đức	2024 trở về sau	Hộp/ 10 x 2.5mg (2500 test)	Test	2.500	27.500	68.750.000
1.2	PP2500398212.2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định danh vi khuẩn bằng kỹ thuật MALDI TOF	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định danh vi khuẩn (IVD Bacterial test standard)	8290190	InVivo BioTech Services GmbH	Đức	2024 trở về sau	Hộp/5 lọ (250 test)	Test	250	108.744	27.186.000
Tổng cộng												95.936.000

11. Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500398112	Enzyme RDE	Chất thử RDE(II)	340122	Denka	Nhật Bản	2024 trở đi	20mL x 5	hộp	1	13.371.940	13.371.940
2	PP2500398114	Đầu côn có lọc 10µl	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu 10ul long Filter Tip, Sterile, Rack	HFT-10XL-S-R	HGMI	Trung Quốc	2024 trở đi	96 cái/hộp	Cái	6.912	805	5.564.160
3	PP2500398115	Đầu côn có lọc 20µl	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu 20ul Filter Tip, Sterile, Rack	HFT-20-S-R	HGMI	Trung Quốc	2024 trở đi	96 cái/hộp	Cái	2.880	805	2.318.400
4	PP2500398117	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu PC Cryobox, 81 well	HCB-81-PC	HGMI	Trung Quốc	2024 trở đi	Cái	Cái	300	135.000	40.500.000
5	PP2500398161	Đầu côn có lọc 30µl	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu 50ul Filter Tip, Sterile, Rack	HFT-50-S-R	HGMI	Trung Quốc	2024 trở đi	96 cái/hộp	Cái	2.880	906	2.609.280
6	PP2500398163	Đầu côn có lọc 1000µl	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu 1000ul Filter Tip, Sterile, Rack	HFT-1000-S-R96	HGMI	Trung Quốc	2024 trở đi	96 cái/hộp	Cái	5.856	1.024	5.996.544

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	PP2500398165	Đầu côn không lọc có khóa 200 µl	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu 200ul Pipette Tip, Bulk	HT-200-B	HGMI	Trung Quốc	2024 trở đi	1000 cái/túi	Cái	2.000	120	240.000
8	PP2500398166	Ống PCR nắp phẳng 0,2ml	Dụng cụ chứa/Vận chuyển mẫu PCR 0.2 tube	BN0812	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	1000 cái/túi	Cái	6.000	400	2.400.000
9	PP2500398167	Ống ly tâm 15ml	Dụng cụ chứa/Vận chuyển mẫu Centrifuge Tube 15ml,conical bottom	BN0373	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	100 cái/túi	Cái	1.400	1.500	2.100.000
10	PP2500398179	Micropipette 8 kênh thể tích 30-300 µl	Dụng cụ 8 Channel Micropipette 30-300µl	SMA8-300	Accumax	Ấn Độ	2024 trở đi	Cái	Cái	1	8.564.428	8.564.428
11	PP2500398180	Đầu côn không lọc có khóa 1000 µl	Dụng cụ hút/lấy/xử lý mẫu Pipette Tips Graduated Universal 1000ul	BN0332	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	1000 cái/túi	Cái	1.000	150	150.000
12	PP2500398181	Đầu côn không lọc có khóa 10 µl	Dụng cụ hút/lấy/xử lý mẫu Pipette Tips Eppendorf 10ul	BN0311	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	1000 cái/túi	Cái	2.000	130	260.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
13	PP2500398197	Micropipette 1 kênh thể tích 20-200 µl	Variable Volume Pipette 20-200µl	AFV-200	Accumax	Ấn Độ	2024 trở đi	Cái	Cái	2	2.084.211	4.168.422
14	PP2500398198	Micropipette 1 kênh thể tích 100-1000 µl	Dụng cụ Variable Volume Pipette 100-1000µl	AFV-1000	Accumax	Ấn Độ	2024 trở đi	Cái	Cái	2	2.084.211	4.168.422
15	PP2500398200	Đầu côn không lọc 1000 µl	Dụng cụ hút/lấy/xử lý mẫu Pipette Tips Graduated Universal 1000ul	BN0332	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	1000 cái/túi	Cái	10.000	150	1.500.000
16	PP2500398201	Đầu côn không lọc có khóa 1250 µl	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu 1250ul Pipette Tip, Bulk	HT-1000XL-B	HGMI	Trung Quốc	2024 trở đi	500 cái/túi	Cái	3.000	150	450.000
17	PP2500398202	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Dụng cụ chứa/ Vận chuyển mẫu Petri Dish 90mm, 1 room	BN0421	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	500 cái/thùng	Cái	6.000	1.750	10.500.000
18	PP2500398208	Kháng sinh MIC trip các loại	Hóa chất thử nghiệm MIC Test Strip các loại	9xxxx	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	30 Mic test	Test	330	132.366	43.680.780
19	PP2500398213	Thiết bị trợ pipet cầm tay	Dụng cụ Pipette Controller (Red)	PH01-R	Accumax	Ấn Độ	2024 trở đi	Cái	Cái	1	5.413.158	5.413.158

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
20	PP2500398215	Kháng sinh đĩa các loại	Hóa chất thử nghiệm Kháng sinh đĩa các loại	9xxx	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	5x50 Disc	Đĩa	9.250	1.939	17.935.750
21	PP2500398216	Kháng sinh MIC plate micro-dilution colistin	Hóa chất thử nghiệm ComASP Colistin 0.25-16	75001	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	16 tests	Test	160	170.211	27.233.760
22	PP2500398219	Ống ly tâm đáy nhọn 2ml có nắp	Dụng cụ chứa/ Vận chuyển mẫu Centrifuge Tube 2.0ml	BN0364	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	1000 cái/túi	Cái	1.000	200	200.000
23	PP2500398220	Kháng huyết thanh Salmonella H	Chất thử Kháng huyết thanh Salmonella H	211xxx	Denka	Nhật Bản	2024 trở đi	5mL/lọ	ml	25	1.032.547	25.813.675
24	PP2500398221	Kháng huyết thanh Salmonella H dùng đảo phase	Chất thử Kháng huyết thanh Salmonella H	211xxx	Denka	Nhật Bản	2024 trở đi	5mL/lọ	ml	25	1.122.333	28.058.325
25	PP2500398222	Kháng huyết thanh Salmonella O	Chất thử Salmonella As Poly O	211231	Denka	Nhật Bản	2024 trở đi	2mL/lọ	ml	10	1.035.125	10.351.250
26	PP2500398224	Kháng huyết thanh Tả Inaba	Chất thử V.cholerae As Inaba	213730	Denka	Nhật Bản	2024 trở đi	2mL/lọ	ml	2	1.539.417	3.078.834
27	PP2500398225	Kháng huyết thanh Tả Ogawa	Chất thử V.cholerae As Ogawa	213747	Denka	Nhật Bản	2024 trở đi	2mL/lọ	ml	2	1.539.417	3.078.834

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
28	PP2500398226	Môi trường CT SMAC (Sorbitol mac conkey agar)	Môi trường MAC CONKEY SORBITOL AGAR	610108	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	500 g	Gram	500	5.048	2.524.000
29	PP2500398227	Môi trường CT SMAC-supplement	Môi trường CEFIXIME TELLURITE SUPPLEMENT	81082	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	10 lọ	Hộp	1	1.741.011	1.741.011
30	PP2500398228	Môi trường Hektoen agar	Môi trường HEKTOEN ENTERIC AGAR	610021	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	500 g	Gram	2.000	4.076	8.152.000
31	PP2500398230	Môi trường TCBS Agar	Môi trường TCBS AGAR	611010	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	500 g	Gram	1.500	2.503	3.754.500
32	PP2500398233	Môi trường Blood agar base	Môi trường BLOOD AGAR BASE	610005	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	500 g	Gram	2.000	2.670	5.340.000
33	PP2500398234	Môi trường Peptone đậm	Môi trường BUFFERED PEPTONE WATER	611014	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	500 g	Gram	500	2.038	1.019.000
34	PP2500398238	Chủng vi khuẩn chuẩn	Chủng chuẩn vi khuẩn NCTC	70xxx	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	5 viên/bộ	Bộ	5	5.744.605	28.723.025
35	PP2500398262	Que thử Oxydase	Chất thử OXIDASE TEST STICK	88029	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	50 que/hộp	Que	50	18.368	918.400

Phụ lục II

DANH SÁCH NHÀ THẦU, PHẦN LÔ KHÔNG TRÚNG THẦU VÀ LÝ DO KHÔNG ĐÁP ỨNG

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398093	Kit tách chiết RNA vi rút	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398094	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398097	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	vn0106092106	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VITECH	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398097	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	vn0317347628	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ UNITECH	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398098	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398099	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398100	Bộ kit xét nghiệm đa tác nhân đường hô hấp	vn0317347628	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ UNITECH	Không đáp ứng YCKT
PP2500398104	Dung dịch Sodium bicarbonate 7,5%	vn0106092106	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VITECH	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398105	Môi trường nuôi cấy tế bào DMEM nồng độ glucose cao	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398114	Đầu côn có lọc 10µl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398114	Đầu côn có lọc 10µl	vn0105168916	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398114	Đầu côn có lọc 10µl	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398115	Đầu côn có lọc 20µl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398116	Đầu côn có lọc 100µl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398116	Đầu côn có lọc 100µl	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398117	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398117	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	vn0105168916	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398118	Găng tay nitrile không bột	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398118	Găng tay nitrile không bột	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398119	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398119	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398119	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không đáp ứng YCKT
PP2500398120	Ống trữ lạnh tiết trùng 2 ml nắp vặn	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398120	Ống trữ lạnh tiết trùng 2 ml nắp vặn	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398121	Pipet nhựa 5ml	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398121	Pipet nhựa 5ml	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398122	Pipet nhựa 10ml	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398122	Pipet nhựa 10ml	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398123	Găng tay không bột	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398123	Găng tay không bột	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398125	Dây 8 ống 0,2ml và nắp cho PCR	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398125	Dây 8 ống 0,2ml và nắp cho PCR	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398126	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398127	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398129	Pipet điện tử 12 kênh 1-10 µl	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398129	Pipet điện tử 12 kênh 1-10 µl	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398130	Pipet điện tử 12 kênh 5-50 µl	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398130	Pipet điện tử 12 kênh 5-50 µl	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398131	Que ngoáy họng	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398136	Vật tư dùng kèm thiết bị đo huỳnh quang Qubit 2.0 của Viện sở hữu và đang sử dụng	vn0102956002	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398139	Thang điện di 1kb DNA	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398140	Thang điện di 100 bp DNA	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398145	Bộ kit chạy RT-PCR một bước	vn0105168916	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không đáp ứng YCKT
PP2500398146	Enzyme phiên mã ngược	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398148	Enzyme Taq DNA Polymerase	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398149	Bộ dNTPs	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398151	Kit tinh sạch PCR	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398156	Cồn y tế 90 độ	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398157	Ổng nuôi cấy tế bào	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398158	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398159	Đĩa 24 giếng	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398159	Đĩa 24 giếng	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không đáp ứng YCKT
PP2500398160	Vật tư tiêu hao dùng cho máy Realtime ABI7500 Fast (Máy do Viện sở hữu và đang sử dụng - Mã kiểm kê: 8075)	vn0102956002	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KHOA HỌC BIOMEDIC	Vượt giá kế hoạch

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398161	Đầu côn có lọc 30μl	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398162	Đầu côn có lọc 200μl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398162	Đầu côn có lọc 200μl	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398162	Đầu côn có lọc 200μl	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398163	Đầu côn có lọc 1000μl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398163	Đầu côn có lọc 1000μl	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398164	Pipette Pasteur nhựa	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398165	Đầu côn không lọc có khía 200 μl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398165	Đầu côn không lọc có khía 200 μl	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398166	Ống PCR nắp phẳng 0,2ml	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398168	Ống ly tâm 50 ml	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398169	Ống pha loãng nhựa vô trùng 4,5ml	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398170	Pipet nhựa 25ml	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398170	Pipet nhựa 25ml	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398170	Pipet nhựa 25ml	vn0105168916	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398171	Lọc Syrine 0,2µm	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398172	Lọc chân không 500ml	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không đáp ứng YCKT
PP2500398177	Lọc chân không 1000ml	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398177	Lọc chân không 1000ml	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không đáp ứng YCKT
PP2500398178	Ống siêu lọc ly tâm	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398179	Micropipette 8 kênh thể tích 30-300 µl	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398181	Đầu côn không lọc có khía 10 µl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398181	Đầu côn không lọc có khía 10 µl	vn0105168916	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398181	Đầu côn không lọc có khía 10 µl	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398182	Đầu côn không lọc có khía 200 µl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398182	Đầu côn không lọc có khía 200 µl	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398182	Đầu côn không lọc có khía 200 µl	vn0105168916	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không đáp ứng YCKT
PP2500398182	Đầu côn không lọc có khía 200 µl	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không đáp ứng YCKT

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398183	Ống nhựa hút vô trùng	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398183	Ống nhựa hút vô trùng	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398184	Môi trường skim milk	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398184	Môi trường skim milk	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398185	Chai nuôi cấy tế bào 75cm ²	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398186	Kit tách chiết RNA vi rút	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398186	Kit tách chiết RNA vi rút	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398186	Kit tách chiết RNA vi rút	vn0105168916	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không đáp ứng YCKT
PP2500398187	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus Ebola	vn0317347628	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ UNITECH	Không đáp ứng YCKT
PP2500398188	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus Hanta (HTN)	vn0317347628	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ UNITECH	Không đáp ứng YCKT
PP2500398189	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus Marburg	vn0317347628	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ UNITECH	Không đáp ứng YCKT
PP2500398190	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus West Nile	vn0317347628	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ UNITECH	Không đáp ứng YCKT
PP2500398191	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus dại	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398192	Dây 8 ống 0,1mL và nắp dùng cho PCR và realtime PCR	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398194	Kit tách chiết DNA từ mô/máu toàn phần	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398194	Kit tách chiết DNA từ mô/máu toàn phần	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398196	Máu cừu	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398197	Micropipette 1 kênh thể tích 20-200 µl	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398198	Micropipette 1 kênh thể tích 100-1000 µl	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398199	Lam kính	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398202	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398202	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không đáp ứng YCKT
PP2500398203	Ống nhựa 5ml có nắp	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398206	Ống ly tâm đáy nhọn 0,5ml có nắp	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398206	Ống ly tâm đáy nhọn 0,5ml có nắp	vn0301750824	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không đáp ứng YCKT
PP2500398209	Que cấy 10µl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398209	Que cấy 10µl	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398210	Que cấy 1µl	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398210	Que cấy 1µl	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398211	Dây 8 giếng 0,2 ml cho Realtime PCR	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398213	Thiết bị trợ pipet cầm tay	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398214	Pipet điện tử 1 kênh 10-100 µL	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398217	Ống giữ chủng vi sinh có hạt bi	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398219	Ống ly tâm đáy nhọn 2ml có nắp	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398233	Môi trường Blood agar base	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398235	Môi trường Lysine decarboxylase Broth	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398236	Enzyme Taq DNA Polymerase	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398237	Kit PCR Master Mix	vn0110479226	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIOSCIENCES	Không đáp ứng YCKT
PP2500398237	Kit PCR Master Mix	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398240	Que gòn lấy mẫu cán nhựa	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398242	Giá để ống nghiệm 15ml	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398243	Giá để ống nghiệm 50ml	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398244	Kit định danh xác định vi khuẩn Enterobacteriaceae 20 phản ứng sinh hóa	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398252	Thuốc thử ZymB	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398253	Môi trường Triple Sugar-Iron Agar (TSI)	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398254	Môi trường Shigella broth	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398255	Chất bổ sung cho Môi trường Shigella broth base	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398257	Môi trường Brain Heart Infusion Agar	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398258	Môi trường Brain Heart Infusion Broth	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500398259	Môi trường GC Agar Base	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398264	Micropipette 1 kênh thể tích 2-20 µL	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398265	Micropipette 1 kênh thể tích 0,5- 10 µl	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398266	Micropipette 8 kênh thể tích 10-100 µL	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398266	Micropipette 8 kênh thể tích 10-100 µL	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398267	Micropipette 8 kênh thể tích 0,5-10 µL	vn3701677155	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VLG	Không đáp ứng YCKT
PP2500398268	Giá để ống nghiệm 1,5ml	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không đáp ứng YCKT

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã định danh	Tên nhà thầu	Lý do không đáp ứng
PP2500398268	Giá để ống nghiệm 1,5ml	vn0102800460	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không đáp ứng YCKT
PP2500398269	Ống trữ lạnh tiệt trùng 2 ml nắp vặn có ren	vn0312315968	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất